TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1512/2026/QĐST-HNGĐ	*TP.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1844/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 20/11/1987.

Số căn cước công dân số: 086087000240

Địa chỉ: 7 đường số A, ấp H, xã C, TP .

2. Bà **Lê Thụy Cẩm N**, sinh ngày 27/8/1987.

Số căn cước công dân số: 074187000255

Địa chỉ: 7 đường số A, ấp H, xã C, TP .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc cùng lời trình bày của những người yêu cầu, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thụy Cẩm N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn nên đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông T và bà N cư trú tại xã C, TP . nên căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thụy Cẩm N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61/08 Quyển số 05 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 06/8/2008 nên hôn nhân của ông T và bà N là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu thuận tình ly hôn: Ông T và bà N nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đã giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha, mẹ và con, về trách nhiệm cấp dưỡng và các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, ông T và bà N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T và bà N vẫn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, ông T và bà N yêu cầu ly hôn là thật sự tự nguyện, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án ghi nhận ông T và bà N thuận tình ly hôn.

[4] Về con chung, cấp dưỡng: Trong thời gian chung sống, ông T và bà N có 03 con chung Nguyễn Quốc A, sinh ngày 27/6/2009; Nguyễn Minh T1, sinh ngày 30/01/2020 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 30/01/2020. Sau ly hôn, ông T và bà N thỏa thuận giao 03 con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông T cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 9.000.000 đồng cho đến khi 03 con chung lần lượt trưởng thành tròn 18 tuổi. Xét thấy, ông T và bà N đã thỏa thuận được với nhau về việc chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng con chung. Sự thỏa thuận này đảm bảo quyền lợi của con và phù hợp với nguyện vọng chính đáng của ông T, bà N, trẻ A. Do đó, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án ghi nhận việc giao 03 con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông T cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 9.000.000 đồng cho đến khi 03 con chung lần lượt trưởng thành tròn 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông T và bà N phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thụy Cẩm N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 03 con chung Nguyễn Quốc A, sinh ngày 27/6/2009; Nguyễn Minh T1, sinh ngày 30/01/2020 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 30/01/2020. Giao 03 con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi 03 con chung lần lượt trưởng thành tròn 18 tuổi. Ông T cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 9.000.000 đồng cho đến khi 03 con chung lần lượt trưởng thành tròn 18 tuổi, thi hành khi án có hiệu lực cho đến khi 03 con chung lần lượt trưởng thành tròn 18 tuổi.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con; không bên nào được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự của số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thụy Cẩm N phải chịu, được tính trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông T và bà N đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0004247 ngày 21/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T và bà N đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 8 - TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 8 - TP.HCM;
- UBND phường Dĩ An, TP.HCM;
(GCNKH số 61/08 Quyển số 05 ngày 06/8/2008 của UBND xã An Bình, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương)
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Yến Ngọc

TAND KHU VỰC 8

ZTK040926.TL.QDBA 9692